

Bản án số: **43/2021/HNGĐ-ST**

Ngày 09/9/2021

“V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH NINH BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Hoàng Ngọc Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Dụ

Ông Vũ Đức Bính

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Doan - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 99/2021/TLST-HNGĐ ngày 31/5/2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05/8/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2021/QĐST-DS ngày 23/8/2021 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Đặng Thị Thu H, sinh năm 1992

ĐKHKT: Xóm 6, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình

Nơi cư trú: Xóm 8, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình

- **Bị đơn:** Anh Mai Văn Q, sinh năm 1990

ĐKHKT: Xóm 6, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình

Nơi cư trú: Xóm 7, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình

Tại phiên tòa: Có mặt chị H, vắng mặt anh Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, biên bản hòa giải và tại phiên tòa chị Đặng Thị Thu H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị (Đặng Thị Thu H) kết hôn với anh Mai Văn Q trên cơ sở tình yêu tự nguyện, không bị ai lừa dối hay ép buộc, có đăng ký kết hôn vào

ngày 08/6/2019 tại UBND xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau kết hôn vợ chồng sống cùng gia đình nhà chồng tại Xóm 6, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình được một thời gian thì vợ chồng ra ở riêng tại Xóm 7, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Vợ chồng sống hạnh phúc được một năm thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh Q nghiện ma túy, không có việc làm ổn định, không có trách nhiệm với gia đình vợ con, đồ đạc trong nhà tự ý bán lấy tiền mua ma túy. Do không chấp nhận được tính cách của anh Q nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ tại xóm 8, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình ở từ cuối năm 2020. Nay tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc hôn nhân không đạt được, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Mai Văn Q.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Mai Thị Thu H1, sinh ngày 10/8/2019. Khi ly hôn chị H có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng.

Về tài sản và nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và biên bản hòa giải anh Mai Văn Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh hoàn toàn nhất trí như lời trình bày của chị Đặng Thị Thu H về quá trình tìm hiểu, kết hôn, chung sống. Còn nguyên nhân mâu thuẫn, anh Q cũng thừa nhận là mình nghiện ma túy, nhưng bản thân đang tự cai nghiện. Nay chị H yêu cầu ly hôn anh không đồng ý, vì anh vẫn còn yêu thương vợ con, nên đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng tiếp tục chung sống với nhau.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung như chị H trình bày là đúng, trong trường hợp phải ly hôn thì anh cũng đồng ý để chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị H.

Về tài sản và nợ chung: Anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh của Tòa án, chính quyền địa phương xã Đ, huyện K cung cấp: Anh Mai Văn Q và chị Đặng Thị Thu H là vợ chồng. Mâu thuẫn giữa anh Q, chị H là do anh Q nghiện ma túy và đã từng có lần phải đi chấp hành án cũng về tội liên quan đến ma túy, qua nắm bắt tình hình an ninh trật tự tại cơ sở được biết trong thời gian qua anh Q có biểu hiện sử dụng ma túy. Về công việc thì cả anh Q, chị H đều là lao động tự do nên thu nhập thế nào địa phương không nắm được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử (HĐXX) đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đúng

các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của mình; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử cho chị H ly hôn anh Q. Giao con chung là Mai Thị Thu H1, sinh ngày 10/8/2019 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H, anh Q có quyền thăm nom con chung. Chị H phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu có tại hồ sơ cũng như kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là quan hệ tranh chấp về “Hôn nhân và gia đình” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn anh Mai Văn Q, sinh năm 1990, trú tại xóm 7, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện K đã tổng đạt giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử và các văn bản tố tụng khác theo quy định của pháp luật cho các bên đương sự. Tuy nhiên, tại phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 23/8/2021 anh Mai Văn Q là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do, nên Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa lần thứ hai ngày 09/9/2021 Tòa án đã tổng đạt hợp lệ quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Mai Văn Q vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn anh Mai Văn Q theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị Thu H và anh Mai Văn Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu, không bị ai lừa dối hay ép buộc và có đăng ký kết hôn vào ngày 08/6/2019 tại UBND xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Do đó Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân gia đình, thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, nhưng giữa anh Q và chị H không tôn trọng nhau trong cuộc sống, vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì đã phát

sinh mâu thuẫn và sống ly thân nhau, nguyên nhân chủ yếu là do anh Q ham chơi, nghiện ma túy, không quan tâm gì đến gia đình. Chị H động viên khuyên bảo anh Q nhiều lần nhưng anh Q vẫn không thay đổi, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau và đã có lần xảy ra xô sát.

Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án anh Mai Văn Q không đồng ý ly hôn, nhưng anh không có biện pháp nào để cải thiện đời sống chung của vợ chồng, hiện nay vợ chồng vẫn sống ly thân và không quan tâm đến nhau. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng không thể khắc phục được. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình xử cho chị Đặng Thị Thu H được ly hôn anh Mai Văn Q là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị H, anh Q có một con chung là cháu Mai Thị Thu H1, sinh ngày 10/8/2019, hiện cháu đang ở cùng chị H. Chị H có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng; ý kiến của anh Q về con chung là trong trường hợp vợ chồng ly hôn, con chung sẽ giao cho chị H nuôi, anh Q không phải cấp dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy các bên không có thỏa thuận nào khác về con, đồng thời tại thời điểm ly hôn cháu H1 dưới 36 tháng tuổi, căn cứ vào khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, nên giao cháu H1 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi, anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H là phù hợp với ý chí cả hai bên và đúng với quy định của pháp luật

[4] Về tài sản và nợ chung: Chị H, anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 19; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 3 Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Đặng Thị Thu H và anh Mai Văn Q.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Mai Thị Thu H1, sinh ngày 10/8/2019 cho chị Đặng Thị Thu H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi. Anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H, anh Q có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở và không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị H. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Chị Đặng Thị Thu H phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0002603 ngày 31/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K; chị H đã nộp đủ.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh NB;
- VKS huyện K;
- THADS huyện K;
- UBND xã K;
- Các đương sự;
- Lưu.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Hoàng Ngọc Hưng